

Số: /KH-UBND

Mường Tè, ngày tháng 6 năm 2022

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn huyện Mường Tè

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ về ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Thực hiện Công văn số 259/BDT-KH ngày 12/5/2022 của Ban Dân tộc tỉnh Lai Châu về việc xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

UBND huyện Mường Tè xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn huyện với nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Xây dựng kế hoạch nhằm cụ thể hóa Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ về ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045 để triển khai thực hiện các mục tiêu của Chiến lược trên địa bàn huyện.

- Triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc nhằm phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, nhanh, bền vững; đẩy mạnh giảm nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS), rút ngắn khoảng cách phát triển giữa các dân tộc; phát triển nguồn nhân lực, tăng cường số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ là người DTTS; củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở; giữ vững khối đại đoàn kết các dân tộc; đảm bảo ổn định an ninh, quốc phòng.

2. Yêu cầu

- Quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045 của Chính phủ.

- Xây dựng các đề án, kế hoạch để cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược công tác dân tộc phù hợp với tình hình thực tiễn của huyện và đồng bào DTTS trên địa bàn huyện.

- Nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn huyện giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045.

- Lồng ghép các đề án, dự án, chính sách và các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác trên địa bàn với các chương trình, đề án, dự án, chính sách của kế hoạch này để triển khai thực hiện, đảm bảo hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Ưu tiên phát triển toàn diện, nhanh, bền vững vùng đồng bào DTTS; khai thác tiềm năng, phát huy hiệu quả lợi thế so sánh của vùng, bảo vệ môi trường và không gian sinh sống của đồng bào DTTS.

- Rút ngắn khoảng cách về mức thu nhập giữa vùng đồng bào DTTS so với vùng phát triển kinh tế - xã hội.

- Giảm dân số xã, bản đặc biệt khó khăn, cải thiện rõ rệt đời sống và nâng cao sinh kế của Nhân dân, chú trọng thu hút các nguồn lực để đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, kết nối các vùng phát triển.

- Đẩy mạnh phát triển đồng bộ các lĩnh vực: Giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa; đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo nhanh và bền vững; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người DTTS.

- Xóa bỏ dần các phong tục tập quán lạc hậu, đồng thời bảo tồn, phát huy các bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp đặc trưng của các dân tộc.

- Tập trung xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, góp phần giữ vững chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia.

- Củng cố sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu đến năm 2025

- Phấn đấu mức thu nhập bình quân đầu người DTTS đạt 32 triệu đồng.

- Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS mỗi năm giảm từ 4%.

- 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được trải nhựa bê tông; 70% bản có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa; 100% số trường lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố; 95% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 100% đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 70% đồng bào DTTS được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

- Hoàn thành cơ bản công tác định canh, định cư; sắp xếp, bố trí ổn định 65% số hộ di cư không theo quy hoạch. Quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí 75% số hộ DTTS đang cư trú phân tán, rải rác, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở. Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào.

- Tỷ lệ trẻ em mẫu giáo 5 tuổi đến trường trên 99,5%, học sinh trong độ tuổi học tiểu học trên 99,95%, học trung học cơ sở trên 96,5%, học trung học phổ thông trên 65%; người từ 15 tuổi đến 60 tuổi đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông trên 92,5%.

- Tăng cường công tác y tế để đồng bào DTTS được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại; tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào DTTS; 98% đồng bào DTTS tham gia bảo hiểm y tế. Trên 60% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, 60% sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em DTTS dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống 17,4%.

- 60% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của đồng bào DTTS.

- Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 100% bản, khu phố có nhà sinh hoạt cộng đồng; 100% bản, khu phố có đội văn hóa, văn nghệ (hoặc câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên.

- Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người DTTS, nhất là các DTTS tại chỗ. Đảm bảo tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS phù hợp với tỷ lệ dân số là người DTTS ở từng địa phương.

b) Mục tiêu đến năm 2030

- Tăng trưởng kinh tế bình quân vùng đồng bào DTTS đạt 6%/năm.

- Thu nhập bình quân người DTTS đạt trên 55 triệu đồng; giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 12%. Giảm 50% các xã, bản đặc biệt khó khăn; 61,53% số xã vùng đồng bào DTTS đạt chuẩn nông thôn mới.

- Năng suất lao động xã hội vùng đồng bào DTTS tăng bình quân mỗi năm 5%.

- Chỉ số phát triển con người là người DTTS thuộc vùng đồng bào DTTS&MN (HDI) đạt trên 0,6%.

- Tuổi thọ trung bình người DTTS đạt 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm.

- 65% tỷ lệ người DTTS trong độ tuổi lao động được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện và có thu nhập ổn định, trong đó tỷ lệ lao động nữ ít nhất đạt 42%.

- Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn vùng đồng bào DTTS, hàng năm thu hút 20% lao động sang làm việc các ngành, nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ. Có 20% lao động người DTTS biết làm các ngành nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ, trong đó ít nhất tỷ lệ lao động nữ đạt 42%.

- 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên, trong đó trên 85% có trình độ đại học và trung cấp lý luận chính trị trở lên; trên 90% được bồi dưỡng kiến thức dân tộc theo 4 nhóm đối tượng.

- Phân đầu 60% số hộ nông dân người DTTS làm kinh tế nông - lâm nghiệp hàng hóa.

- Xóa tình trạng nhà ở đơn sơ, nhà thiếu kiên cố; ngăn chặn tình trạng suy thoái môi trường sinh thái.

- Trên 95% số xã, bản vùng đồng bào DTTS có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của nhân dân.

- Giải quyết căn bản tình trạng di cư không theo kế hoạch trong đồng bào DTTS. Quy hoạch sắp xếp, di dời, bố trí 100% hộ DTTS đang cư trú phân tán, rải rác ở các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở.

- Góp phần duy trì và nâng cao tỷ lệ che phủ rừng đạt tối thiểu 70%.

- Cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra trong mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030.

c) Tầm nhìn đến năm 2045

- Thu nhập bình quân của người DTTS đạt trên 65 triệu đồng.

- Cơ bản không còn hộ nghèo; người dân được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Các xã, bản vùng đồng bào DTTS có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân.

(Có biểu chỉ tiêu kèm theo)

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ đột phá

a) Tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về công tác dân tộc, chính sách dân tộc, rà soát, hoàn thiện, đề xuất hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến đồng bào DTTS; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

b) Nâng cao hiệu quả các chính sách của Nhà nước liên quan đến vùng đồng bào DTTS; xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp nhằm phát huy lợi thế,

tiềm năng, đặc thù của vùng đồng bào DTTS, hướng tới phát triển bền vững và thúc đẩy tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào DTTS trong phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo nhanh, bền vững và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

c) Về phát triển nguồn nhân lực

- Ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng để làm đầu mối dẫn dắt, tập hợp đồng bào DTTS trong tổ chức sản xuất, quản lý xã hội; phát triển nguồn nhân lực có khả năng ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ mới, kết hợp với phát huy các tri thức bản địa và kinh nghiệm sống, sản xuất của đồng bào trong phát triển kinh tế và giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn xã hội.

- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang công tác tại vùng đồng bào DTTS, đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; trong đó chú trọng đào tạo, quy hoạch, xây dựng và phát triển tại chỗ đội ngũ cán bộ là người DTTS. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS phù hợp phù hợp với tỷ lệ dân số là người DTTS ở từng địa phương, cơ quan, đơn vị; đặc biệt là tại các cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc.

- Quan tâm nguồn cán bộ, công chức, viên chức nữ là người DTTS; hỗ trợ nâng cao năng lực để đủ điều kiện giới thiệu tham gia các vị trí lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị.

- Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, dạy nghề đối với con em vùng đồng bào DTTS; tập trung đào tạo, bồi dưỡng các chuyên ngành có nhu cầu cấp thiết như: Bác sỹ, dược sỹ, kỹ sư nông nghiệp, công nghệ thông tin, quản lý văn hóa cơ sở, quản lý kinh tế, tài chính, công nghệ thực phẩm...

d) Phát triển đồng bộ hạ tầng thiết yếu, phục vụ sinh hoạt, sản xuất, giao thương, tăng cường kết nối thị trường, lưu thông hàng hóa đảm bảo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng đồng bào DTTS. Trong đó ưu tiên phát triển hệ thống giao thông, kết nối liên vùng.

đ) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, phổ biến giáo dục pháp luật cho Nhân dân vùng đồng bào DTTS; tăng cường đồng thuận xã hội; củng cố lòng tin của đồng bào các dân tộc với Đảng và Nhà nước.

2. Nhiệm vụ chủ yếu

a) Đổi mới phương thức quản lý nhà nước về công tác dân tộc

Xác định và phân công rõ vai trò, trách nhiệm của các cơ quan từ huyện đến cơ sở trong thực hiện nhiệm vụ công tác dân tộc và chính sách dân tộc; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực công tác dân tộc; đổi mới

tổ chức của cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc theo hướng tinh gọn, đồng bộ, thống nhất, linh hoạt, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

b) Về phát triển kinh tế xã hội

Tập trung mọi nguồn lực đầu tư phát triển mạnh kinh tế hàng hóa nhiều thành phần; chú trọng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế tư nhân, gắn sản xuất với chế biến, kết nối thị trường, tạo chuỗi giá trị, gia tăng giá trị nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế và phù hợp với đặc thù của vùng đồng bào DTTS.

- Đối với nông nghiệp:

+ Phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, nâng cao chất lượng, gia tăng giá trị, khả năng cạnh tranh; tập trung hình thành các vùng chuyên canh tập trung với quy mô hợp lý, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu và sử dụng lao động tại chỗ; chú trọng cơ cấu sản phẩm nông nghiệp theo nhóm sản phẩm chủ lực đặc sản của địa phương gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); định hướng cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo lĩnh vực phù hợp với kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025.

+ Chú trọng phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân; hoàn thành giao đất với giao rừng cho các tổ chức cá nhân, hộ gia đình theo quy hoạch được phê duyệt; giải quyết đất ở, đất sản xuất và có chính sách hỗ trợ phù hợp cho hộ đồng bào DTTS và hộ nghèo người Kinh sinh sống tại vùng đồng bào DTTS; kiên quyết chấm dứt tình trạng phá rừng làm nương rẫy và hủy hoại đất rừng.

- Đối với công nghiệp - xây dựng:

+ Rà soát, quy hoạch, lựa chọn một số ngành lĩnh vực chủ yếu, có tiềm năng, thế mạnh để ưu tiên phát triển gắn với tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn và địa bàn sinh sống của đồng bào các dân tộc.

+ Bố trí nguồn lực nhà nước và huy động các nguồn lực xã hội để đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên kiên cố hóa đường giao thông, công trình thủy lợi, chợ, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa; kết nối điện lưới quốc gia tới các hộ gia đình; hoàn thiện kết cấu hạ tầng viễn thông, thông tin, truyền thông phục vụ nhu cầu sản xuất, sinh hoạt.

+ Quy hoạch hệ thống đô thị, khu dân cư mới và đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án định canh định cư, sắp xếp, ổn định dân cư tiến tới chấm dứt tình trạng di cư tự phát; nâng cao năng lực trong xây dựng, bảo đảm thiết kế, thi công các công trình phù hợp với đặc thù của vùng đồng bào DTTS.

- Đối với thương mại và dịch vụ, du lịch:

+ Thúc đẩy lưu thông và tiêu thụ hàng hóa nội vùng, liên vùng. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp với đặc thù của từng vùng đồng bào dân tộc.

+ Đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái; du lịch lịch sử - văn hóa, phát triển sản phẩm du lịch “xanh”, du lịch “trải nghiệm”, du lịch “nông nghiệp”, tôn trọng yếu tố tự nhiên và văn hóa địa phương của từng vùng.

c) Về phát triển giáo dục - đào tạo

- Phát huy và nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trong đó đặc biệt ưu tiên xóa mù chữ cho phụ nữ, trẻ em gái ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đảm bảo tỷ lệ biết chữ cân bằng giữa nam và nữ; thực hiện hiệu quả chính sách cử tuyển đối với học sinh, sinh viên là người DTTS, gắn đào tạo với nhu cầu và khả năng bố trí việc làm tại địa phương.

- Rà soát, sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục vùng DTTS theo lộ trình hợp lý, bảo đảm quyền lợi học tập của học sinh và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chú trọng củng cố và phát triển hợp lý số lượng, chất lượng, quy mô trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế.

- Đẩy mạnh công tác giáo dục thể chất nhằm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, phát triển tầm vóc đối với trẻ em, học sinh vùng đồng bào DTTS. Dạy song hành tiếng Việt và tiếng DTTS phù hợp với nhu cầu, năng lực và năng khiếu của từng nhóm đối tượng.

- Tăng cường công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh gắn với thực tiễn sản xuất kinh doanh nhu cầu lao động tại địa phương.

- Ưu tiên bố trí đủ số lượng, cơ cấu và bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục để đáp ứng yêu cầu về đổi mới giáo dục, đào tạo; tiếp tục nghiên cứu, đề xuất, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và thực hiện hiệu quả các chính sách giáo dục đối với vùng đồng bào DTTS.

d) Về y tế và dân số

- Ưu tiên giải quyết các vấn đề sức khỏe của đồng bào DTTS; tăng cường khả năng tiếp cận cũng như cung cấp dịch vụ y tế, dân số có chất lượng cho đồng bào; giảm gánh nặng chi phí chăm sóc sức khỏe cho người nghèo và đồng bào DTTS. Trong đó quan tâm thực hiện một số chính sách cụ thể về: Bảo hiểm y tế, nâng cấp hệ thống y tế và phát triển đội ngũ cán bộ y tế cơ sở; tuyên truyền phổ biến chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình; chính sách tiêm chủng, dinh dưỡng và an toàn vệ sinh, an toàn thực phẩm...

- Tăng cường hướng dẫn, truyền thông về bình đẳng giới, tác hại của tình trạng tảo hôn, kết hôn cận huyết. Có cơ chế để phụ nữ người DTTS tiếp cận tốt hơn dịch vụ công, dịch vụ xã hội thiết yếu và các dịch vụ tư vấn về hôn nhân, kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ phụ nữ, trẻ em.

- Thí điểm các mô hình, tiến tới nhân rộng các cơ sở y tế kết hợp quân - dân y để khám, chữa bệnh cho người dân.

d) Về bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc

- Thực hiện bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của các DTTS; giữ gìn, tôn vinh và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp thông qua ngôn ngữ, chữ viết, các ngày lễ, hội và tết cổ truyền của đồng bào DTTS.

- Phát triển đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa tinh thần của người dân vùng đồng bào DTTS.

e) Quốc phòng, an ninh

- Tập trung tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của đồng bào DTTS để kịp thời nhận diện, chủ động đấu tranh, ngăn chặn, vô hiệu hóa âm mưu, thủ đoạn, hoạt động của các thế lực thù địch nhằm kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kích động tư tưởng ly khai, tự trị dân tộc, bạo loạn, biểu tình, phá rối trật tự an toàn xã hội.

- Tổ chức tốt công tác nắm tình hình ở cơ sở, tâm tư nguyện vọng của đồng bào DTTS, trên cơ sở đó kịp thời tham mưu cho cấp có thẩm quyền giải quyết các tình huống phát sinh, không để hình thành các “điểm nóng” về an ninh trật tự. Giải quyết kịp thời những phức tạp liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở vùng đồng bào DTTS, không để kẻ địch và các thế lực phản động lợi dụng kích động quần chúng chống đối với danh nghĩa “dân tộc”, “tôn giáo”, “dân chủ”, “nhân quyền”. Tiếp tục phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên vùng đồng bào DTTS về số lượng, chất lượng, nhất là các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; tăng cường phối hợp giữa dân quân tự vệ với lực lượng công an xã, thị trấn và các lực lượng khác trong giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở, qua đó góp phần xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, gắn liền với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng thế trận lòng dân vững chắc.

g) Về đối ngoại

- Tăng cường công tác đối ngoại để thu hút nguồn lực đầu tư cho vùng đồng bào DTTS; tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng giao lưu với Nhân dân nước láng giềng.

- Gắn kết đối ngoại quân sự, đối ngoại biên phòng, đối ngoại công an với các nước láng giềng, giữ vững an ninh, trật tự tuyến biên giới; phòng chống tội phạm ma túy, “buôn người”, phối hợp phòng chống khủng bố.

- Nâng cao hiệu quả tuyên truyền đối ngoại góp phần giúp cộng đồng quốc tế hiểu đúng và ủng hộ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta; kịp thời đấu tranh ngăn ngừa những thông tin sai lệch, luận điệu xuyên tạc về công tác dân tộc của Đảng và Nhà nước.

h) Củng cố hệ thống chính trị cơ sở

Xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, đặc biệt là trên các địa bàn chiến lược, trọng điểm tại khu vực biên giới.

3. Giải pháp thực hiện

a) Nâng cao nhận thức về công tác dân tộc

Quán triệt nghiêm túc và nâng cao nhận thức, trách nhiệm của chính quyền và Nhân dân trong thực hiện công tác dân tộc; hiểu rõ vai trò, vị trí, tiềm năng to lớn của vùng đồng bào DTTS cũng như các chính sách dân tộc nhất quán của Đảng và Nhà nước, trên cơ sở đó nhận thức đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và chủ động thực hiện hiệu quả Chiến lược công tác dân tộc trong tình hình mới. Chú trọng công tác xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh.

b) Đảm bảo nguồn lực thực hiện Chiến lược công tác dân tộc

- Đề xuất cơ chế chính sách, giải pháp ưu tiên huy động các nguồn lực (vốn ODA, vốn vay ưu đãi từ các nhà tài trợ nước ngoài) để thực hiện các mục tiêu Chiến lược công tác dân tộc đề ra. Trong đó, kinh phí thực hiện Chiến lược công tác dân tộc được bảo đảm từ ngân sách Nhà nước, huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

- Đề xuất cơ chế, chính sách ưu đãi để huy động sự tham gia của các nguồn lực xã hội trong việc triển khai các gói tín dụng, bảo hiểm vốn đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất, góp phần phát huy ý chí tự lực, tự cường, nỗ lực thoát nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn vùng đồng bào DTTS.

- Đề xuất các chính sách đặc thù để khuyến khích, thu hút và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS.

c) Đổi mới việc xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc

- Rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung hệ thống pháp luật liên quan để đáp ứng yêu cầu phát triển của vùng đồng bào DTTS và nhiệm vụ công tác dân tộc

trong giai đoạn mới. Cụ thể hóa chiến lược công tác dân tộc bằng chương trình hành động, dự án, kế hoạch triển khai phù hợp với nguồn lực và tình hình thực tế.

- Thực hiện công khai minh bạch các chương trình dự án, kế hoạch để người dân và các tổ chức chính trị - xã hội biết, tham gia quản lý, giám sát góp ý, phản biện xã hội; tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu của chính sách, tổ chức sơ kết, tổng kết, rút ra bài học kinh nghiệm để kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách và khắc phục các tồn tại, hạn chế. Phân công nhiệm vụ cụ thể giữa cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp trong việc thực hiện chính sách dân tộc.

d) Kiến toàn bộ máy, đổi mới hoạt động và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc đảm bảo tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Phê duyệt chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Phòng Dân tộc, bảo đảm thực hiện đầy đủ vai trò tham mưu chủ trì, thẩm định hoặc phối hợp tham gia thẩm định chính sách ở vùng đồng bào DTTS theo quy định.

- Thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021- 2025, đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành quản lý nhà nước về công tác dân tộc. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về công tác dân tộc theo quy định.

- Xây dựng quy chế phối hợp giữa các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể liên quan trong tổ chức thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đảm bảo phân công, phân nhiệm rõ ràng, phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan, tổ chức liên quan.

đ) Xây dựng và triển khai thực hiện các đề án, chương trình, chính sách thực hiện Chiến lược công tác dân tộc

- Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra.

- Nghiên cứu, đề xuất một số chính sách mới trên cơ sở tổng kết kết quả thực hiện giai đoạn trước, đảm bảo phù hợp định hướng, chủ trương của Đảng, các chính sách lớn của Nhà nước và tình hình thực tiễn của địa phương; tăng cường phân cấp, phân quyền để các cơ quan, đơn vị chủ động tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Chiến lược công tác dân tộc theo hướng nâng cao chất lượng, đi vào chiều sâu và bền vững, trong đó tập trung vào một số chính sách sau:

+ Quy hoạch phát triển các cụm liên kết để phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương. Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, dịch vụ, du lịch gắn với đặc điểm, điều kiện kinh tế - xã hội từng địa bàn; có chính sách thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào vùng đồng bào DTTS, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

+ Đề xuất cơ chế huy động nguồn lực, đẩy mạnh hợp tác công tư (PPP) trong phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là hạ tầng giao thông, điện, thủy lợi, hệ thống thông tin liên lạc, các cơ sở giáo dục, y tế, phúc lợi xã hội.

+ Tiếp tục nghiên cứu, tham gia góp ý, sửa đổi vào các văn bản của cấp trên trong việc thực hiện các chính sách về các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, dạy nghề, giải quyết việc làm cho vùng đồng bào DTTS; trong đó tập trung vào công tác đào tạo, bồi dưỡng năng lực quản lý kinh tế, tài chính, quản trị sản xuất cho hộ gia đình, nhất là các hộ tham gia vào chuỗi giá trị chung và có hoạt động sản xuất kinh doanh; đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức người DTTS; bảo tồn văn hóa truyền thống; nâng cao mức hưởng thụ văn hóa; nâng cao chất lượng dịch vụ y tế; cung cấp nước sạch vệ sinh môi trường.

+ Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các đề án, chính sách về thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, phát huy nội lực, khởi dậy khát vọng, ý chí tự lực, tự cường của đồng bào DTTS. Đổi mới công tác tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS đảm bảo phù hợp với từng địa bàn, phong tục tập quán của đồng bào.

+ Đề xuất xây dựng các đề án, dự án để ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu từ các đề tài khoa học, công nghệ phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng vùng đồng bào dân tộc. Trong đó tập trung vào những vấn đề trọng điểm và các mô hình có tính thực tiễn, phù hợp với yêu cầu và tập quán sinh hoạt, sản xuất của từng địa bàn, dân tộc, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững theo quy mô cấp cộng đồng trên nguyên tắc lấy bản sắc văn hóa, tri thức cộng đồng, truyền thống của các dân tộc làm nền tảng, phát triển kinh tế - xã hội, môi trường và đảm bảo quốc phòng, an ninh làm mục tiêu, khoa học và công nghệ là giải pháp; có cơ chế linh hoạt trong huy động nguồn lực liên kết, đặt hàng với các tổ chức, doanh nghiệp để bổ sung thêm nguồn lực thực hiện.

IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

1. Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến 2025

Tổng vốn dự kiến: 1.426.328 triệu đồng. Trong đó:

- Vốn ngân sách Trung ương: 1.257.762 triệu đồng.
- + Vốn đầu tư: 884.799 triệu đồng.
- + Vốn sự nghiệp: 327.963 triệu đồng.
- Vốn ngân sách địa phương: 30.550 triệu đồng.
- + Vốn đầu tư: 8.664 triệu đồng.
- + Vốn sự nghiệp: 21.886 triệu đồng.
- Vốn tín dụng chính sách: 135.806 triệu đồng.
- Vốn huy động khác: 2.210 triệu đồng.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM

- Vốn ngân sách Trung ương: 57.782 triệu đồng, trong đó:
- + Vốn đầu tư: 51.452 triệu đồng;
- + Vốn sự nghiệp: 6.330 triệu đồng.
- Vốn ngân sách địa phương: 0 triệu đồng.

3. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo

- Vốn ngân sách Trung ương: 344.069 triệu đồng, trong đó:
- + Vốn đầu tư: 206.056 triệu đồng;
- + Vốn sự nghiệp: 138.013 triệu đồng.
- Vốn ngân sách địa phương: 0 triệu đồng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Dân tộc huyện

- Tham mưu chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành liên quan xây dựng Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch; bảo đảm lồng ghép thực hiện các mục tiêu của Chiến lược công tác dân tộc với các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm giai đoạn 2021 - 2030; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm của địa phương.

- Căn cứ Kế hoạch và Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc, tham mưu triển khai thực hiện, định kỳ hàng năm tham mưu UBND huyện tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch báo cáo với UBND tỉnh, Ban Dân tộc tỉnh.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, ban, ngành hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp tình hình thực hiện Chiến lược công tác dân tộc; định kỳ tham mưu UBND huyện tổ chức sơ kết tình hình thực hiện Chiến lược công tác dân tộc vào năm 2025 và tổng kết vào năm 2030.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện

Tham mưu UBND huyện cân đối ngân sách, bố trí nguồn kinh phí trong dự toán chi thường xuyên từ nguồn ngân sách nhà nước cho các cơ quan, đơn vị thực hiện Chiến lược công tác dân tộc theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

3. Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể có liên quan

Theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ được giao tham mưu UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc; phối hợp với Phòng Dân tộc triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch về công tác dân tộc trên địa bàn huyện theo lĩnh vực của ngành.

4. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

Trên cơ sở Kế hoạch này và tình hình thực tế của địa phương, xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn quản lý; tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công tác dân tộc và nội dung, nhiệm vụ của Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của UBND huyện Mường Tè./.

Nơi nhận:

- Ban Dân tộc tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện (Đ/c Nam);
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Kiều Hải Nam